

KINH DỊCH CỦA TÀU HAY CỦA TA ?

(HAY NGUỒN GỐC KINH DỊCH)

(THUYẾT TRÌNH PALTALK NGÀY 11/5/12 ROOM: DIENDAN HOILUAN PHONGVAN HIENTINH DAT NUOC VÀ ĐỀ TÀI NÀY SẼ ĐƯỢC LIÊN TỤC TRÌNH BÀY VÀO MỖI THỨ 6, LÚC 6 GIỜ ĐẾN 7:30 GIỜ CALL, TỨC 8:30 PM _ 9:30PM GIỜ VN)

I. DẪN NHẬP

I.1. Tự giới thiệu: NGUYỄN VIỆT NHO, Sinh năm 1943. Sinh quán: Xã Nhơn Mỹ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Trước 75: SQ thuộc quân đội miền Nam. Hiện tại: Về hưu, ở TP San Jose, Tiểu Bang California, Hoa Kỳ.

I.2. Dịch là gì và giới thiệu đôi nét về Dịch: Sách rất cổ, xưa đến nỗi nguồn gốc khó lần tìm khiến cho đến nay vẫn còn khối người đi tìm nguồn gốc chưa tìm được sự đồng thuận. Đây là cuốn sách hiếm, xưa nay được xem như là một ‘kỳ thư’, sách không nhằm về sự vật hay mô tả sự vật mà **chứng ra ĐẠO BIẾN DỊCH giúp ta trực tiếp thấy sự vật với những giai đoạn biến diễn của chúng thông qua các đồ hình và các con lý số vì thế, DỊCH là ĐẠO chứ không GIÁO hay là TRIẾT:**

_ **Đạo:** trong nghĩa của Đạo Biến Dịch, là con đường biến hóa và tiến hóa của muôn loài muôn sự trong hoàn vũ. Đạo là ‘cái như nó là’ chứ không phải là cái để nói về nó. Cái vòng Đạo này như thể là cái vòng liên tục của ngày đêm, đêm ngày, hoặc như là cái chu trình luân chuyển của bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông cứ nối tiếp mãi, nó cũng như sự biến đổi qua lại của vật chất và năng lượng hoặc như cái chu trình sinh thành trụ diệt sinh... và cứ thế chu diễn mãi nên gọi là CHU DỊCH (chuyển dịch trong một vòng tròn)...

_ **Giáo:** là phương tiện sử dụng ngôn từ (lời nói và chữ viết) để dẫn ta đến ĐẠO, nó như thể là ngón tay chỉ và Đạo như là Mặt Trăng (Dẫn dụ của Đức Phật Thích Ca)

_ **Triết:** dùng ý niệm tưởng nghĩ về Sự Lý và diễn đạt bằng ngôn tự mang tính Lý Sự (ngược lại Kinh Dịch sử dụng toán Lý số và một số đồ hình làm cho Đạo là cái Sự Lý của sự vật tự hiển lộ, chứ không là nói về sự vật như triết), vì vậy, có thể xem Dịch như là Minh Triết. Ông Cha ta ngày xưa rất coi trọng thể loại văn hóa Minh Triết này và xem thường loại triết như ta thấy qua lời quở trách con cháu thường nghe như: “*Cái Sự Lý là vậy mà mà ư Lý Sự*”. Qua đó, Sự lý là Đạo Lý của sự vật và Lý Sự là điều nghĩ tưởng và dùng ngôn ngữ và ý niệm để mô tả hay nói về Đạo Lý. Sự khác biệt này dẫn đến Tây phương có triết gia và Đông phương có Đạo Gia hay Chết Gia. Tây phương có Triết, Đông phương có Minh Triết... và Minh triết Đông Phương được thể hiện qua Kinh Dịch.

Hai phần của Kinh Dịch: Nhìn vào Sách Dịch ngày nay ta thấy sách có hai phần:

_ **Phần không chữ** (vô tự), là các quẻ hay quái Dịch cấu trúc bởi 6 nét vạch Âm (___) Dương (—) đứt, liền, tạo nên 64 con lý số chứa cái Đạo Lý Biến Dịch của mọi sự, mọi vật.

_ **Phần có chữ viết:** nhằm giải thích ý nghĩa của phần không chữ (vô tự) ở trên.

Phần với chữ viết gồm thoán từ và hào từ cùng các lời luận giảng: Thoán và hào từ chỉ ra ý nghĩa thời vị của quái hay quẻ Dịch được chua vào về sau.

Phần vô tự tức phần 64 quẻ, Kinh huyền thoại Việt gọi là **Sách Ước**:

*“Sách Ước trình nguyên không một chữ,
Gây thần đốt trúc có hai đầu”*

Hai câu này mang ý là: Sách Dịch nguyên sơ không dùng chữ viết để diễn ý mà ý được tỏ bày qua tượng hình và tượng ý của các con Lý Số (cái Lý Đạo chứa trong con số). Phần 2 của câu trên nói về cách hình thành của sách (sẽ được làm rõ khi nói về Huyền Thoại Sách Ước)

II. KINH DỊCH CỦA TÀU HAY CỦA TA hay NGUỒN GỐC KINH DỊCH

Đây là bài đầu trong loạt bài nói về VIỆT DỊCH VÔ NGÔN của nền văn hóa Việt Nho, là một thể loại văn hóa mang tính siêu việt tức vượt lên hẳn của một thể loại văn hóa, sẽ được làm rõ hơn trong phần kế dưới:

Nói về Nguồn Gốc Kinh Dịch có hai quan niệm: Phần đông đến hôm nay nghĩ là của Tàu, số ít hơn cho là của dòng Việt. Tại sao có hai quan niệm đối nghịch như vậy? Thưa: Vì sách quá xưa và nó trải qua nhiều triều đại Tàu cổ bôi xóa nền văn hóa bản địa Bách Việt trong mưu đồ Hán Hóa tộc Việt của nhóm người Hán cai trị. Mưu đồ này được thi hành khốc liệt nhất dưới các thời:

_ Khi Mã Viện thắng hai Vua Bà bèn thi hành thủ đoạn tiêu diệt văn hóa Việt bằng các phá sạch, đốt sạch: *“Một mảnh giấy không cho, một mộ bia không để”* (TS Cao Thế Dung).

_ Dưới thời nhà Tần: Tần Thủy Hoàng ra lệnh *“Đốt sách giết học trò”* (sách là sách Nguyên Nho, học trò là nho sĩ Việt Nho thời Bách Việt).

_ Nỗ lực mang tính diệt chủng này của phương Bắc liên tục được thực hiện suốt dọc dài lịch sử, qua các triều đại phong kiến và cho đến ngày nay, Tàu Cộng cũng vẫn tiếp sửa sách sử, bản đồ, lẩn đất, lẩn biển... nhằm trong ý đồ thôn tính nốt tộc Việt duy nhất còn lại là Việt Nam.

Về nguồn gốc Kinh Dịch có hai quan niệm: Kinh Dịch của Tàu và Kinh Dịch của ta in sơ lược trình bày:

II.1 Kinh Dịch Của Tàu: Phái này cho rằng Phục Hi (còn có tên là Bào Hi, Thái Hạo...) thấy ở sông Hà hiện ra bức đồ, ở sông Lạc hiện ra trang chữ (Hà xuất Đồ, Lạc xuất thư) rồi thánh nhân phỏng theo (Thánh nhân tác chi) và từ đó lập ra Bát Quái, rồi lấy bát quái chồng lên nhau để có 64 quái của Kinh Dịch (trang 11, Kinh Dịch Đạo của Người Quân Tử _ NHL). Rồi các Ông Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử... khai triển thêm hoặc sang định lại.

Phê bình:

_ Đây mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa các tác giả Tàu qua nhiều thời về người tạo ra Hà Lạc, tạo Bát Quái và tạo Trùng quái

_ Mang tính huyền hoặc, khó chấp nhận được dưới cái nhìn hôm nay.

_ Các tên gọi của Bát Quái, của 12 con giáp là tiếng Việt, hiểu những từ này theo lối Tàu đều vô nghĩa (sẽ làm rõ trong phần viết về Bát Quái)

_ Theo tài liệu khảo cổ cận đại, Việt tộc (Bách Việt) là tộc dân đầu tiên phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp và chăn nuôi gia súc của nhân loại, đã chiếm lĩnh địa bàn Trung hoa ngày nay. Hán tộc lúc bấy giờ còn sống trong tình trạng du mục, săn bắn và hái lượm: **Văn hóa chỉ phát triển ở các tộc dân định canh, định cư nên Tàu không phải là tộc dân đầu tiên chế tác KD được** và ngay như nếu căn cứ trên sách Tàu, chính Khổng Tử, cách nay hơn 2.500 năm cũng nói “*Phuong Nam có Đạo, người quân tử ở phương này... Tôi chỉ thuật lại cái có từ trước*” và Văn Vương khi ngồi trong ngục ở Dữu Lý đặt ra thoán từ cho quái Dịch là cũng chỉ làm công việc giảng rõ ý nghĩa của Quái Dịch vốn có từ trước, rồi đời sau Chu Công đặt ra hào từ và như vậy cái phần nguyên thủy không chữ viết trong Kinh Dịch không phải của những người này.

II.2 Kinh Dịch của Việt tộc: Tìm nguồn gốc Kinh Dịch qua lối Việt không thể tìm qua sách vở hay trong các thư tịch, thư viện vì:

II.2.1. _ KD nguyên thủy (phần các quái hay quẻ Dịch) có xuất xứ quá xưa, nằm trong thời huyền thoại, cách nay ít ra trên 5.000 năm, lúc đó chưa có chữ viết mà chưa có chữ thì lấy gì có sách sử, nên không thể tìm nguồn gốc Kinh Dịch qua sách sử! Sách sử là của các đời sau và các thời sau khi Tàu đã xóa sổ hầu hết Bách Việt, đã viết sử trong chiều hướng nhằm bôi xóa nền Văn hóa phương Nam để dễ bề đặt ách thống trị lâu dài, vì thế không thể nịch tìn vào sách vở, cổ nhân chẳng đã dạy: “*tận tính thư bất như vô thư*”!

II.2.2 _ Sách vở Việt hầu hết bị Tàu và các thế lực phản động thu sạch, đốt sách, rở nát qua ba sự kiện: **Nhà Tần** đốt sách giết học trò. **Mã Viện** thì “*một mảnh giấy không cho, một mộ bia không để*”. Thời **Minh** sang đánh nhà Hồ, tịch thu sách, bắt nhân tài mang về Tàu trong đó có các Ông Nguyễn Phi Khanh cha của Nguyễn Trãi, Hồ Quý Trùng con của Hồ Quý Li, sau làm Thánh Tổ pháo binh của Tàu, Ông Nguyễn An vẽ kiêu và chỉ huy xây thành Bắc Kinh nhà sư Tuệ Tĩnh trị được bệnh lao ...

Đến thời Cộng Sản, **Hà Nội** muốn cho văn hóa Duy vật giữ vị thế độc tôn đã đốt sách của dân tộc và gán cho nó là văn hóa phong kiến, văn hóa đồi trụy, sản phẩm tư tưởng tiêu tư sản... thủ tiêu hay bỏ tù những ai dám nghĩ, dám nói trái lại cái văn hóa Cộng Sản mà họ du nhập vào từ Liên xô.

II.2.3_ Văn Hóa chính thống Việt không nằm trong thư tịch mà nó tản mát trong dân gian, khắp mọi miền của đất nước. Ông Hàn Lâm Hương Giang Thái Văn Kiểm nói là: “*Văn hóa bản Việt không thể tìm thấy trong sách vở hay trong thư viện mà nó tản mát trong dân gian*”

II.2.4_ KD nguyên thủy là sách vô tư (Sách ước trình nguyên không một chữ) thì không thể tìm nguồn gốc của nó trên sách vở mà được phải tìm nó qua chứng mach: “*Nói có sách, mach có chứng*”. Phần dưới là những chứng mách chỉ ra Nguồn Gốc Kinh Dịch là của dòng Việt.

III. TRUY TÌM NGUỒN GỐC KINH DỊCH THEO HƯỚNG VIỆT DỊCH, VIỆT NHO

III.1 _ **Tìm Nguồn Gốc Kinh Dịch qua dấu hiệu (signs) và biểu tượng (Symbols) của Thiên Nhiên thấy qua ngôn ngữ Việt: tiếng gọi Càn Khôn là tên gọi của hai biểu tượng chỉ ra nét vạch liền ‘line’ (—) và rời, đứt ‘broken line’ (_ _) đã hình thành các con Lý Số tạo ra 64 quái Dịch: Càn (—) là hình ảnh của cành, cọc, que biểu tượng của dương, sinh thực vật dương ... và Khôn (_ _) là không (nhưng không là con không tuyệt đối nằm trong nghĩa không có gì mà là con không tương đối trong nghĩa chữ ‘khôn lường’, là lường không hết) Khôn còn chung ra**

tượng hình của khoan, là cái vòng (tròn), là lỗ, l ... hay những sự vật mang tính âm. Và, như vậy **Càn Khôn là tiếng Việt, nó chung ra ý**: Càn là cương cứng (con cua càn(g), Càn là mạnh bạo (càn(g) đũa, làm càn(g) (làm ào, làm ầu); Khôn: Nhu mì tính ngược lại với tính cương càn, từ đó có ý chỉ tính bao dung, đùm bọc, nuôi dưỡng...

Ngay cả tên của Bát Quái và tên 12 con giáp liên quan đến âm dương lịch cũng ngữ khoa tử vi, cũng là tiếng Việt (xin đọc bài của Nguyễn Cung Thông trên mạng www.anviettoancau.net) và ngay cả như Hán tự được xem như chữ của người Hán, cũng phát xuất từ tiếng Nôm (tiếng của người Nam) như tác giả Đỗ Ngọc Thành, người Việt gốc Triều Châu đã chỉ ra (Xin mời đọc Đỗ Ngọc Thành trên mạng này)

Ngoài ra, khoảng cuối tháng 11 năm 2011 tại Quảng Tây, Hoa Nam, nơi bộ tộc người Tráng (Choang) thuộc Bách Việt cũ, phát hiện những tảng đá có chữ viết rất cổ, khoảng 4500 năm, nếu hiểu theo Hán thì không hiểu chữ này và chỉ theo lối cổ Nôm thì mới hiểu được.

Còn một sự kiện nữa cũng không kém phần quan trọng bất bỏ lập luận cho rằng vào thời cổ đại tộc Việt không có chữ viết, chữ Nôm (chữ của người Nam) đã được mô phỏng theo Hán tự mà hình thành. Điều này đúng đối với Hậu Nôm thời Hàn Thuyên, nhưng không đúng với Tiên thời Việt Vương Câu Tiễn... Gần đây Tàu khai quật được thanh gươm của Việt Vương Câu Tiễn (cùng thời với Khổng Tử), có hai điều đáng lưu ý:

1) Chữ 'Việt' được khắc trên gươm, được viết với chữ 'Long' (Rồng) và chữ 'điều' (Chim: người mang lông chim múa như tượng khắc trên trống đồng cổ): Long là rồng (vật biểu chỉ Lạc Long Quân) và điều là chim (vật biểu chỉ Mẹ Huyền thoại Âu Cơ): Qua đó, chữ Việt đã có từ thời đó mà ý nghĩa của nó là Việt là dòng Rồng Tiên huyền thoại Khởi Nguyên Cha Đồng Mẹ Tiên Chia Con 100 trứng...

2) Chữ 'gươm' được khắc trên kiếm chứ không là chữ 'kiếm' và gươm là tiếng Việt, Tàu không có chữ gươm chỉ có chữ 'kiếm'. Gươm làm bằng kim loại và từ chữ kim mới đẻ ra chữ kiếm và chữ gươm có trước chữ kiếm.

Hai sự kiện ngược lại với sách vở Tàu từ trước này, khiến họ rất hoang mang; Tàu chưa có lối đối đối phó, khiến họ cho đến giờ vẫn giữ thái độ im hơi, lặng tiếng... và những điều này cũng đủ nói lên sự sai trái của sách sử mang tính tuyên truyền xuyên tạc của Tàu về văn hóa của ta xưa nay và đủ chỉ ra: Tàu, Ta trên phương diện văn hóa, ai là cái đuôi nối dài của ai!

Văn hóa hữu ngôn, hữu tự tuy không liên hệ nhiều với nền Dịch Lý Vô Ngôn nhưng khi chứng minh được nền văn hóa 'hữu tự' của Tàu có từ của dòng Việt thì điều này cũng góp phần nói lên văn hóa, nói chung, là sản phẩm chỉ có của những tộc dân định canh định cư chứ không là của dân du mục và văn hóa vô ngôn cũng không nằm ngoài lệ vậy!

III.2_ Văn Hóa Vô Ngôn Việt Dịch Truy Tim Trong Huyền Thoại:

Như đã thừa, **Huyền Thoại là chuyện kể và truy nó đã trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, tuy lời kể có khác nhưng có một điều không bao giờ đổi thay là những Huyền tự, Huyền đồ, Huyền số... nằm trong các Huyền thoại vẫn vẫn giữ y**, như: HT Tiết Liêu chỉ ra biểu tượng bánh Chung, đây là ý nghĩa của tượng hai hình Hà Lạc; HT Sách Ước Gậy Thần vẫn là sách không chữ gồm ba trang, hai trang đọc được, một trang không đọc được; gậy thần có 9 đốt (để nhằm hình chỉ ra cách hình thành hình Hà Lạc, là căn bản Dịch Lý; HT Tiên Rồng 100 trứng âm dương (làm căn bản đạo lý Dịch và nhằm hình thành nền Việt Dịch Vô Ngôn (Sách Ước) và HT Bà Tổ Mẫu Âu Cơ dẫm lên bước chân Ông khổng Lồ mà sinh ra 100 trứng trăm con chỉ ra cái Đạo Lý của Trời Đất, Càn Khôn (những ý nghĩa của các huyền tự, huyền số và huyền đồ trong các huyền thoại này sẽ được làm rõ hơn trong những bài kế

tiếp khi nói về cơ cấu Việt Nho phần Hình Đồ, Huyền Thoại và Lý Số)

III.3_ Tìm Trong Tín Ngưỡng Truyền Dòng:

Tín ngưỡng Truyền Dòng là những niềm tin được truyền đời, truyền kiếp qua các phong tục, tập quán, qua thần vật văn hóa được tôn thờ, nhất là qua Đạo thờ cúng Ông Bà, tục lệ thờ Ông Táo... và vì tầm mức quan trọng của niềm tin này nên xin sơ lược ở đây ý nghĩa của tín ngưỡng này:

_ Đạo Ông Bà ngoài nghĩa là Đạo của tiền nhân, hay thờ cúng tiền nhân còn có nghĩa, khi lần tới tận cùng, là biểu tượng của Dương Càn (☰) và Âm Khôn (☷), là Đạo của Trời và của Đất và như vậy Đạo Dịch vừa là Nhân Đạo và cũng là Thiên Đạo nó được chỉ ra bằng tượng và số Càn (☰), Khôn (☷).

_ Thờ Táo Quân là thờ Tam Tài Nhân Bản Việt: Táo Việt là tổ hợp ba thành phần hai ông một bà, là biểu tượng của hai Dương một Âm: “*Thế gian một vợ một chồng, đầu như vua Táo hai Ông một Bà*”: Táo liên quan đến lửa, sức nóng (táo bón), liên hệ với con LI (☲) của Bát Quái. Hai ‘Ông’ là hai nét Dương Càn (☰) và một ‘Bà’ là một nét Âm Khôn (☷). Biểu tượng hai Dương (2 Ông) và một Âm (một Bà) hình thành ‘Ông Táo Ba Thành Phần’ là Tam Tài: Trời, Đất, Người, được truyền tộc... Thờ Táo Quân gợi ta ý nghĩa quan trọng của Đạo phương Nam (Nam phương có Đạo, người quân tử ở phương này – Khổng Tử)... những ý này sẽ được làm rõ hơn khi ta trở lại khai triển Bốn Nền Tảng (hay cơ cấu) Hình Thành Việt Nho hay Việt Dịch trong bài sau.

IV. KẾT LUẬN:

Như vậy, như trình bày trên, Kinh Dịch có hai nguồn gốc: Phần KINH DỊCH NGUYÊN THỦY tức phần các quái Dịch và các đồ hình là của Việt tộc, còn phần khai triển nhằm giảng nghĩa phần đồ hình và các con Lý Số là của nhiều tộc dân khác trong đó có cả Việt và Tàu, về sau thêm vào.

Cái đáng nói là khi diễn nghĩa qua ý niệm, ý tưởng qua ngôn ngữ qui ước (thuộc phần 2 bằng lời, bằng chữ viết) thì nó bị đi lệch, đi chệch mất cái ý của Đạo Dịch Nguyên thủ của Trời Đất, Càn Khôn và như vậy khi sử dụng ngôn từ Đạo Dịch trở thành Dịch Giáo. Và, hướng đi về sau này ngày càng dẫn đến việc “từ chương trích cú” chỉ biết bám vào chữ nghĩa việc này khiến cho Đạo Dịch ngày một bị hạ cấp, chệch hướng.... Đây là việc làm của hướng Hán Nho, hủ nho bắc phương bị Ông Cha ta chỉ ra là trật hướng, chệch hướng, nên gọi họ là Tàu Chệch (Trong sự giao lưu văn hóa về sau Việt Nho cũng có thời ngã về hướng này, nhất là dưới Thời Nguyễn, bắt đầu từ Nguyễn Gia Long. Rõ nét là Vua Tự Đức xem huyền thoại và chuyện viễn vông ‘đầu trâu mình rắn!’)... Cao Bá Quát về sau thức tỉnh chê là “nhai văn nhá chữ”:

*“Nhai văn nhá chữ buồn ta
Con giun còn biết đầu là cao sâu”*

Và cười mũi nhóm Văn Đàn Thi Xã của Tự Đức lập ra là bốc mùi mắm ruốt: “*Câu thơ thi xã, con thuyền Nghệ An*”!

Tóm lại có thể nói một cách công bằng là: **Cái nguồn cội đầu tiên của Dịch (hay Đạo Biến Dịch) vốn là của Càn Khôn Trời Đất, là Đạo của tự nhiên thiên nhiên, Dịch là của Tạo Hóa.** Nếu đem nhân cách hóa thì đây là người đầu tiên làm ra Đạo Dịch, thứ đến là: Tộc Việt (Bách Việt thuộc thời huyền sử) đã quan sát và chiêm nghiệm (quán chiêm) và mô phỏng theo đó và sử dụng ‘triết tự hay đạo tự’ Càn (☰) Khôn (☷) và một số hình

đồ, là những dấu hiệu (signs) cũng là biểu tượng (symbols) của tự trong Trời Đất mà hình thành Kinh Dịch Vô Ngôn (phần không chữ viết), mà viết Kinh Sách lưu truyền hậu thế:

“Kinh Châu, Dương Việt hai miền

Triết tự văn hóa lưu truyền sử xanh” (Kinh đền Hùng Tổ Tiên Chánh Giáo Đại Đạo Sinh Tồn)

và *“Sách Ước trình nguyên không một chữ...”*, gọi sách đó là Sách Ước (bởi phạm vi sách bao hàm trên mọi lãnh vực “ước gì được đó”).

Về sau nhiều dân khác, có thể xem như nhóm người thứ ba, trong đó có cả Hán và Việt, chưa thêm phần chữ viết vào sách *“trình nguyên”* nhằm giải thích phần các quái số là các con Lý số hay Dịch số mà thành ra Sách Dịch (Book of Change), như ngày hôm nay ta thấy. Do vậy, có thể nói **KINH DỊCH không do con người chế tác, mà chính Trời Đất đã làm công việc này và Tổ Tiên Việt là những người đầu đầu tiên làm công việc trước thuật lại cái vốn có của Trời Đất.** điều này cũng có nghĩa dòng Việt cũng chỉ làm công việc *“thuật nhi bất tác”*.

Khổng Tử, người đại diện cho phương Bắc, thì ‘thuật nhi bất tác’ cái Sách Dịch Nguyên Sơ (Trình Nguyên không một chữ) của dòng Việt (thuật một cách không mấy trung thực vì nhuộm đầy tính duy dương của tộc dân phương bắc), làm chệch (Chệ) ý hướng của sách ‘trình nguyên’ ban đầu và tộc Việt thì thuật lại cái Đạo Biến Dịch của mọi sự vật trong Đất Trời.